

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định số: 06/2023/HS-GĐT
Ngày 12 tháng 7 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lương Ngọc Trâm

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: ông Nguyễn Trí Tuệ, ông Nguyễn Văn Dũng, ông Nguyễn Biên Thùy, ông Ngô Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Vân Anh - Thẩm tra viên chính

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: ông Lại Viết Quang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Trần Phương B sinh năm 1959; đăng ký hộ khẩu thường trú tại 17A7 Nguyễn Thái S, phường 4, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú tại A1-A3 đường số 30, phường B1, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 12/12; khi phạm tội là Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; con ông Trần Văn T và bà Bùi Thị N (đều đã chết); có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 07/6/2019 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và tù chung thân về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc Trần Phương B chấp hành hình phạt chung của hai tội là tù chung thân; bị bắt giam ngày 09/12/2016.

(Trong vụ án còn có 11 bị cáo khác gồm Nguyễn Đức T1, Nguyễn Thị Ngọc V, Nguyễn Tăng Ngọc L, Nguyễn Chí T2, Nguyễn Chí C, Phạm Huy L1, Vũ Đức D, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Quang T3, Phạm Chiến Q và Phùng Ngọc K).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty cổ phần vốn T; địa chỉ: số 46 P, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Công ty cổ phần phát triển Đô thị Vĩnh T; địa chỉ: làng nhà m Khu đô thị M, đường P, thôn Vĩnh X, xã Vĩnh T, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa;
3. Công ty TNHH XD & PT Đô thị Thái A; địa chỉ: số 55 đường 2/4, phường Vạn T, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa;
4. Công ty cổ phần Đầu Tư, Thương mại và Dịch vụ K; địa chỉ: số 01 Phan Đình G, phường Phương L, quận Thanh X, Thành phố Hà Nội;
5. Công ty TNHH Tân Vạn H; địa chỉ: 136 đường Lý Thường K, phường 8, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh;
6. Bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân vàng Kim H; địa chỉ: số 521 Lý Thường K, phường 8, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh;
7. Bà Vũ Thị L2 sinh năm 1952; địa chỉ: số 519 Lý Thường K, phường 8, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh;
8. Ông Huỳnh Bá T4 sinh năm 1975; địa chỉ: số 80/37 Đ1, phường 10, Quận Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh;
9. Ông Huỳnh Bá L3 sinh năm 1972; địa chỉ: lầu 18, phòng số 6 chung cư 86 Tân Đ, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
10. Bà Nguyễn Thị Thu T5 sinh năm 1976; địa chỉ: số 80/37 Đ1, phường 10, Quận Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2013, Trần Phương B là Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng tín dụng Ngân hàng TMCP Đông A (sau đây viết tắt là Ngân hàng DAB) đã chỉ đạo nhân viên dưới quyền cùng nhiều đối tượng liên quan khác thực hiện các hành vi sai phạm, gây thiệt hại cho Ngân hàng DAB số tiền 8.827.549.141.076 đồng, trong đó hành vi vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng cho bốn nhóm khách hàng gồm nhóm khách hàng Công ty TNHH Hiệp Phú G, nhóm khách hàng Đồng T (bao gồm Công ty TNHH thép Đồng T và Công ty TNHH Tư vấn đầu tư TBTP), nhóm khách hàng M&C (bao gồm 11 pháp nhân và 10 cá nhân), nhóm khách hàng Tân Vạn H (bao gồm Công ty TNHH Tân Vạn H và Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng K1) vay tiền, gây thiệt số tiền 8.751.915.741.076 đồng; hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 75.633.400.000 đồng. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc Ngân hàng DAB tại thời điểm ngày 31/12/2015 lỗ lũy kế 31.076.000.000.000 đồng, vốn chủ sở hữu âm 25.451.000.000.000 đồng và tổng tài sản thực chỉ còn 47.011.000.000.000 đồng.

Các hành vi liên quan đến sai phạm của Trần Phương B và đồng phạm cụ thể như sau:

1. Hành vi liên quan đến việc Ngân hàng DAB cho Phạm Văn T6 vay 95.600.000.000.000 đồng và xuất quỹ chi 23.043.750.000 đồng để mua 100% vốn góp tại Công ty TNHH XD & PT đô thị Thái A (sau đây viết là Công ty Thái A):

Ngày 20/12/2007, Ngân hàng DAB ký Hợp đồng ký thác và quản lý tài khoản với Công ty VNL (sau đây viết là Công ty VNL) và Công ty cổ phần vốn T (sau đây viết là Công ty T), đại diện là ông Nguyễn Thiện N1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị; ký Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty VIHL) và Công ty T. Theo đó, Công ty VNL và Công ty VIHL mở tài khoản ủy thác tại Ngân hàng DAB để chuyển 100.000.000 USD cho Công ty T, còn Ngân hàng DAB thực hiện bảo đảm (bảo lãnh) cho Công ty T về khả năng hoàn trả số tiền 100.000.000 USD và tiền lãi cho Công ty VNL và Công ty VIHL. Sau đó, Ngân hàng DAB đã giải ngân cho Công ty T toàn bộ số tiền 100.000.000 USD (tương đương 1.602.200.000.000 đồng) để Công ty T mua các tài sản là bất động sản của một số công ty. Tuy nhiên, năm 2008, Công ty V không gia hạn hợp đồng và yêu cầu Công ty T phải hoàn trả số tiền 100.000.000 USD. Do năm 2008 thị trường bất động sản đóng băng, các dự án của Công ty T đầu tư đều bị thua lỗ nên Công ty T không có tiền trả cho Công ty V. Để tránh bị Công ty V khởi kiện Công ty T và Ngân hàng DAB ra Tòa án quốc tế và để có nguồn tiền trả nợ cho V3 thay cho Công ty T, Trần Phương B đã chỉ đạo nhân viên Ngân hàng DAB cho hai Công ty và năm cá nhân vay 11 khoản với tổng số tiền vay là 1.820.850.000.000 đồng và xuất quỹ 77.782.250.000 đồng để sử dụng mua lại năm tài sản là các bất động sản của Công ty T; đồng thời, sử dụng các tài sản mua lại của Công ty T (là tài sản hình thành trong tương lai) làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của hai Công ty và năm cá nhân nêu trên tại Ngân hàng DAB, mục đích để Ngân hàng DAB quản lý tài sản, thu hồi được số tiền 1.820.850.000.000 đồng mà Ngân hàng DAB đã cho các công ty, cá nhân vay để mua tài sản của Công ty T, từ đó có nguồn tiền cho Công ty T trả 100.000.000 USD cho Công ty V. Năm tài sản của Công ty T gồm Dự án Richland Hill, sáu lô đất tại thành phố Đ4, Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G, 29% vốn góp tại Công ty cổ phần phát triển đô thị V bằng pháp nhân Công ty Bách Việt và 35% vốn góp tại Công ty TNHH ĐTXD B3.

- Về tư cách pháp nhân Công ty Thái A:

Ngày 05/12/2007, Công ty T1 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng gồm:

Công ty T (tên cũ là Công ty CP quỹ LNG) góp 56.000.000.000 đồng (tương ứng 46,67%), bà Nguyễn Thanh T7 góp 39.600.000.000 đồng (tương ứng 33%) và Công ty TKV, tên cũ là V- I góp 24.400.000.000 đồng (tương ứng 20,33%).

Ngày 30/10/2009, Trần Phương B chỉ đạo Ngân hàng DAB Chi nhánh Lê Văn S cho Phạm Văn T6 vay 95.600.000.000 đồng để mua 79,67% vốn góp của bà Nguyễn Thanh T7 và Công ty T tại Công ty Thái A, tài sản bảo đảm là 79,67% phần vốn góp trên. Đến nay, khoản vay trên đã được tất toán, trong đó có việc Trần Phương B vay 135.600.000.000 đồng của Nguyễn Thiện N1 để sử dụng 68.276.000.000 đồng trả nợ khoản vay trên. Ngoài ra, Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Đức V1 (Trưởng phòng Ngân quỹ Ngân hàng DAB) và Nguyễn Văn T8 (Phó Giám đốc Ngân hàng DAB Sở giao dịch) lập phiếu thu không 16.000.000.000 đồng và sử dụng 144.100.000.000 đồng để trả nợ cho khoản vay trên. Sau khi sở hữu 79,67% vốn góp tại Công ty Thái A, ngày 10/5/2012 và ngày 11/5/2012, Trần Phương B chỉ đạo Ngân hàng DAB lập phiếu thu không 23.043.750.000 đồng của Cao Ngọc L4 chuyển vào tài khoản của Công ty A để Công ty A thanh toán tiền mua 20,33% vốn góp tại Công ty Thái A.

Sau khi mua 100% vốn góp tại Công ty Thái An, Trần Phương B chỉ đạo Ngân hàng DAB Sở giao dịch ký Hợp đồng tín dụng số H.0330/12 ngày 26/12/2012 cho Công ty Thái An vay 400.900.000.000 đồng để trả nợ các khoản vay của Phạm Văn T6, Phạm Thái S1, Phạm A và Nguyễn Huy Trường H tại Ngân hàng DAB. Tài sản thế chấp là Gói 1 dự án khu đô thị Mỹ G tại xã Vĩnh T, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa.

- Giá trị pháp lý Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G:

Công ty TKV (trước đây là Công ty V-ITASCO) được Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt, giao làm chủ đầu tư dự án Khu đô thị Vĩnh T (diện tích 188,5ha, được chia làm 08 gói thầu).

Ngày 15/7/2006, Chủ đầu tư V-ITASCO và Công ty quỹ LNG ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05.06/HTKD LNG-ITASCO để đầu tư xây dựng, khai thác và kinh doanh tiểu dự án khu dân cư Thái A (Gói 1 dự án Khu đô thị Vĩnh T). Nội dung hợp đồng quy định: Chủ đầu tư V-I dùng “lô đất dự án” Gói thầu 1 được định giá 45.000.000.000 đồng để góp vốn thành lập Công ty Thái A. Công ty Thái A là chủ sở hữu và chủ đầu tư kinh doanh khai thác Gói 1 của dự án Khu đô thị Vĩnh T.

Ngày 05/12/2007, Công ty Thái A được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy đăng ký kinh doanh số 4200724920 để đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án khu dân cư Thái A thuộc Gói 1 dự án khu đô thị Vĩnh T, vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng.

Sau khi được thành lập, Công ty Thái A đã ký các hợp đồng hợp tác, đấu thầu xây dựng các hạng mục công trình cho việc thực hiện Khu dân cư Thái A tại Gói thầu số 1 của Khu đô thị Vĩnh T. Tuy nhiên, hồ sơ kỹ thuật, bản vẽ và pháp lý (các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của Gói 1 vẫn đứng tên chủ đầu tư là V-I, chưa sang tên được cho Công ty Thái A. Công ty Thái A giải trình là do Luật Kinh doanh bất động sản tại thời điểm năm 2008 chưa cho phép tách hồ sơ pháp lý dự án.

Ngày 08/12/2007, chủ đầu tư V-I và Công ty cổ phần Phát triển đô thị Vĩnh Thái (gọi tắt là Công ty Vĩnh T) ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.07/HTKD/VT-V. ITASCO ngày 08/12/2007, tại Điều 1.4 có nội dung: V-ITASCO hợp tác kinh doanh với Công ty Vĩnh T từ Gói thầu 2 đến Gói thầu 8 của dự án Khu đô thị Vĩnh Thái.

Ngày 14/7/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Quyết định số 1820/QĐ-UBND cho phép chuyển đổi chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Vĩnh T (giai đoạn 1) từ V-ITASCO sang Công ty Vĩnh T.

Ngày 16/9/2010, V-ITASCO ký Hợp đồng số 159/HĐKT/ITASCO-VTC chuyển nhượng toàn bộ dự án Khu đô thị Vĩnh T cho Công ty Vĩnh T. Ngày 08/10/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận việc chuyển đổi chủ đầu tư từ V-ITASCO sang cho Công ty Vĩnh T và cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án cho Công ty Vĩnh T. Theo đó, Công ty Vĩnh T trở thành chủ đầu tư toàn bộ dự án Khu đô thị Vĩnh T (bao gồm cả Gói 1), đổi tên thành dự án Khu đô thị Mỹ G.

Ngày 01/02/2012, Công ty Vĩnh T, V-ITASCO, Công ty Thái A và Công ty CP vốn A ký Thỏa thuận số 61/2012 về việc chuyển giao Gói 1 dự án Khu đô thị Mỹ G cho Công ty Thái A và việc hoán đổi đất làm khu tái định cư giữa Công ty Vĩnh T và Công ty Vĩnh T. Ngày 10/6/2013, Công ty V2 và Công ty Thái A ký biên bản bàn giao hiện trạng, mốc giới và tọa độ Gói 1 dự án Khu đô thị Mỹ G cho Công ty Thái A.

Ngày 11/11/2015, Công ty Vĩnh T và Công ty Thái A ký Hợp đồng khung số 03/2015/HĐK với nội dung chính như sau: Công ty Vĩnh T có trách nhiệm chuyển giao Gói thầu 1 (ngoại trừ khu tái định cư) cho Công ty Thái A. Công ty Vĩnh T sẽ bàn giao cho Công ty Thái A 15.000m² đất ở, tương đương 130 lô đất đã được san lấp và hoàn tất hạ tầng kỹ thuật theo thiết kế đã được phê duyệt tại các vị trí như ghi nhận tại bản đồ bán hàng. Công ty Thái A có trách nhiệm thực hiện và hoàn tất việc đền bù, giải phóng mặt bằng trong gói thầu 1 bằng chi phí của Thái A, ngoại trừ phần diện tích lộ giới đường D20 giữa Gói 1 và Gói 2 tại ngã ba đường

Ph và D20 như diễn giải tại Bản vẽ đính kèm Phụ lục 3. Phần diện tích này sẽ được đền bù, giải phóng mặt bằng bởi VTC trước ngày 31/12/2017.

Ngày 20/4/2017, Công ty Vĩnh T có Văn bản số 53/VTC đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh K3 cho hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng và khai thác khu đất số 1 dự án Khu đô thị Mỹ G, cho phép Công ty Vĩnh T được phép chuyển nhượng một phần dự án cho Công ty Thái A.

Ngày 17/5/2017, Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa có Văn bản số 1590/SXD-KTXD đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cho chuyển nhượng Gói 1 Khu đô thị Mỹ G.

Ngày 12/9/2017, Công ty Vĩnh T có Văn bản số 144/VTC/2017 thông báo nội dung nếu Công ty Thái A không thực hiện các nghĩa vụ và cam kết mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng khung số 03/2015/HĐK thì Công ty Vĩnh T có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, không chuyển giao Gói 1 và 1,5ha đất thuộc Gói 2 cho Công ty Thái A.

Ngày 22/9/2017, Công ty Thái A có Văn bản số 6/CV-TA gửi Công ty Vĩnh T nội dung Công ty Thái A đã hoàn tất đền bù giải tỏa và san lấp hoàn chỉnh hơn 94% diện tích Gói 1 và đề nghị Công ty Vĩnh T tổ chức buổi họp giữa hai công ty để bàn biện pháp giải quyết những tồn đọng trong việc thực hiện hợp đồng khung và sớm bàn giao mặt bằng dự án cho Công ty Thái A.

Ngày 05/11/2017, Công ty Vĩnh T có Văn bản số 511/VTC/2017 đề nghị Công ty Thái A tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ và cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng. Công tác đền bù giải tỏa 17.145m² (7% diện tích Gói 1) cho các hộ dân bị ảnh hưởng phải hoàn thành trước ngày 30/6/2018. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này nếu Công ty Thái A không thực hiện thì Công ty Vĩnh T chính thức đơn phương chấm dứt hợp đồng, Hợp đồng khung số 33/2015/HĐK ngày 11/11/2015 không còn hiệu lực kể từ ngày 10/12/2017.

Công ty Thái A có văn bản số 15.11/2017/VB/TAC ngày 15/11/2017, số 27.11/TB-TA ngày 27/11/2017 gửi Công ty Vĩnh T thông báo nội dung Công ty Thái A đang triển khai thi công hạ tầng và đền bù giải tỏa phần còn lại trên Gói 1.

Đến nay, Công ty Vĩnh T chưa bàn giao cho Công ty Thái A Gói 1 và 15.000m² đất thuộc Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G với lý do Công ty Thái A vi phạm hợp đồng, chưa đền bù giải phóng xong mặt bằng. Công ty Thái A cho rằng Công ty Vĩnh T vi phạm hợp đồng, chưa bàn giao Gói 1 và 1,5ha đất thuộc Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G để Công ty Thái A triển khai đầu tư xây dựng.

- Kê biên, định giá tài sản:

Ngày 03/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra Lệnh kê biên tài sản số 23/C46-10, kê biên đối với các tài sản mà Trần Phương B và các đối tượng liên quan đã cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng DAB để bảo đảm cho các khoản nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiệp Phú G, trong đó có 100% vốn góp tại Công ty Thái A đang được giao đầu tư Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G.

Ngày 09/3/2018, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa có Kết luận định giá tài sản số 798 xác định giá trị Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G tại thời điểm tháng 12/2016 là 745.222.386.758 đồng và tại thời điểm tháng 12/2017 là 750.867.012.474 đồng; giá trị 100% vốn góp tại Công ty Thái A tại thời điểm tháng 12/2016 là 573.465.800.000 đồng và tại thời điểm tháng 12/2017 là 505.942.335.000 đồng.

2. Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu T5 gây thiệt hại 53.400.000.000 đồng:

Ngày 29/12/2010, bà Nguyễn Thị Thu T5 ký đề nghị vay Ngân hàng DAB 55.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua căn nhà 198 L5, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; tài sản bảo đảm là căn nhà này trị giá 87.750.000.000 đồng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, ngày 30/12/2010 Trần Văn Q1 (nhân viên tín dụng Ngân hàng DAB Sở giao dịch) lập và ký tờ trình hồ sơ vay ngắn hạn với nội dung đề nghị Ban lãnh đạo xét duyệt cho bà T5 vay 55.000.000.000 đồng. Trần Thanh S2 và Nguyễn Đức T1 ký tờ trình và trình Hội sở. Cùng ngày 30/12/2010, Nguyễn Thị Ngọc V (Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng DAB) ký kiểm soát tờ trình và trình Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay và ký Hợp đồng thế chấp tại ngân hàng DAB, sau khi hoàn tất thủ tục sở hữu sẽ tiến hành các thủ tục công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngày 30/12/2010, Nguyễn Đức T1 (Giám đốc Ngân hàng DAB Sở giao dịch) và bà Nguyễn Thị Thu T5 ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số K6676/1. Ngày 30/12/2010, Ngân hàng DAB Sở giao dịch giải ngân tiền mặt cho bà Nguyễn Thị Thu T5 số tiền 51.400.000.000 đồng. Số tiền này, ông Huỳnh Bá T9, bà Vũ Thị L2 chuyển thành vàng, nộp vào Ngân hàng DAB Sở giao dịch 13.672,59 chỉ vàng để trả 13.600 chỉ vàng nợ gốc và 62,59 chỉ vàng nợ lãi, tất toán khoản vay K0529/4 ngày 26/10/2009 của ông Huỳnh Bá T9 và bà Vũ Thị L2 tại Ngân hàng DAB Sở giao dịch. Ngày 30/01/2011, Ngân hàng DAB Sở giao dịch giải ngân tiền mặt cho bà Nguyễn Thị Thu T5 2.000.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu T5 dùng số tiền này để trả lãi. Như vậy, hợp đồng tín dụng cho vay số tiền 55.000.000.000 đồng

nhưng thực tế chỉ giải ngân 53.400.000.000 đồng. Số tiền này được Ngân hàng DAB Sở giao dịch thu tiền gốc, lãi của Hợp đồng H0529/4 ngày 26/10/2009.

Trong khi khoản vay 53.400.000.000 đồng của Nguyễn Thị Thu T5 chưa tất toán, ngày 30/12/2011 Nguyễn Đức T1, Vũ Thị Thanh H1 (Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng DAB Sở giao dịch) ký tờ trình đề nghị Trần Phương B cho giải chấp tài sản bảo đảm là nhà 198 L5, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng trị giá 3.400 lượng SJC để gán nợ cho ba khoản vay gồm khoản vay 24.000 chỉ vàng của ông T9, bà L2 theo Hợp đồng tín dụng số K.0579/4 ngày 07/9/2010; khoản vay 3.000 chỉ vàng của ông Huỳnh Bá T1 theo Hợp đồng tín dụng số K0572/4 và khoản vay 700 lượng vàng SJC của ông Huỳnh Bá T9 theo Hợp đồng tín dụng số K0093/4 ngày 01/2/2010.

Do vậy, từ ngày 30/12/2011, khoản vay 53.400.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thu T5 theo Hợp đồng tín dụng số K6676/1 ngày 30/12/2010 không có tài sản bảo đảm. Ngày 30/12/2011, ông Huỳnh Bá T9 và bà Vũ Thị L2 có biên bản làm việc với Ngân hàng DAB cam kết nhận lại khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu T5 nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 29/12/2012, khoản vay trên được cơ cấu thành Hợp đồng tín dụng số K0315/12, dư nợ 53.400.000.000 đồng, không có tài sản bảo đảm.

Tính đến ngày 24/12/2018 (ngày khởi tố vụ án), khoản vay còn dư nợ số tiền 105.269.200.000 đồng (nợ gốc 53.400.000.000 đồng, 12.994.000.000 đồng tiền lãi trong hạn và 38.875.200.000 đồng tiền lãi quá hạn), không có tài sản bảo đảm, gây thiệt hại cho Ngân hàng DAB số tiền 105.269.200.000 đồng.

3. Đối với khoản vay của Doanh nghiệp tư nhân vàng Kim H (sau đây viết là DNTN K1) gây thiệt hại 163.070.910.083 đồng cho Ngân hàng DAB

Ngày 24/7/2009, Ngân hàng DAB Chi nhánh Quận 10 lập Hợp đồng tín dụng số H0019/4 giải ngân cho DNTN Kim H vay 5.500 chỉ vàng, tài sản bảo đảm là 1.509 cổ phần tại Ngân hàng E của ông Huỳnh Bá T4 và Huỳnh Bá L3. Ngày 13/01/2010, Ngân hàng DAB Chi nhánh Quận 10 làm thủ tục tất toán Hợp đồng nêu trên và mở Hợp đồng tín dụng số H0046/4 ngày 13/01/2010 để tiếp tục theo dõi hạch toán khoản vay trên.

Ngày 03/12/2009, Ngân hàng DAB Chi nhánh Quận 10 lập Hợp đồng tín dụng số H1593/1 cho DNTN Kim H vay 15.000.000.000 đồng; trong đó, tài sản bảo đảm cho khoản vay 13.197.000.000 đồng gồm ba bất động sản là nhà, đất tại 134A đường Lê Minh X, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; nhà đất tại 60/4 đường Vân C, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; nhà đất tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; phần còn lại

1.803.000.000 đồng là vay tín chấp. Ngày 13/01/2010, Ngân hàng DAB Chi nhánh Quận 10 làm thủ tục tất toán Hợp đồng H1593/1, mở Hợp đồng tín dụng số H5030/1 để tiếp tục theo dõi hạch toán khoản vay nêu trên. Ngày 09/6/2010, khoản vay theo Hợp đồng H5030/1 chuyển thành một phần khoản vay tại Hợp đồng số H0061/4 ngày 09/6/2010 với số vàng vay là 9.500 chỉ vàng. Ngày 31/8/2010, Ngân hàng DAB cho DNTN Kim H vay 2.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0064/4.

Ngân hàng DAB Sở giao dịch đã cơ cấu khoản vay 5.000 chỉ vàng, 9.500 chỉ vàng và 2.000 chỉ vàng thành 77.474.500.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số H0327/12 ngày 25/12/2012. Trong đó, tài sản bảo đảm được ký hợp đồng thế chấp gồm hai quyền sử dụng đất tại phường Phước L, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh và hai quyền sử dụng đất tại huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh có giá trị 25.492.000.000 đồng, còn nhà số 57 Bành Văn T thuộc sở hữu của ông Huỳnh Bá T4 chưa được ký hợp đồng thế chấp. Tính đến ngày 13/9/2019 (thời điểm khởi tố bổ sung vụ án) khoản vay trên còn dư nợ 163.070.910.083 đồng (nợ gốc 77.474.500.000 đồng, 18.852.128.333 đồng lãi trong hạn và 66.744.281.750 đồng lãi quá hạn).

- Kê biên, định giá tài sản:

Cơ quan điều tra đã kê biên các tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng DAB. Theo Kết luận định giá số 17/KL-HĐĐGTS ngày 26/9/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Tây Ninh và Kết luận định giá số 7955/KL-HĐĐGTS ngày 23/12/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh thì giá trị bốn bất động sản tại tỉnh Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh bảo đảm cho khoản vay trên vào thời điểm tháng 9/2019 là 25.408.260.579 đồng.

4. Đối với khoản vay của Công ty Tân Vạn H gây thiệt hại 1.000.857.407.165 đồng cho Ngân hàng DAB

Trong năm 2009, Công ty Tân Vạn H ký sáu hợp đồng tín dụng ngắn hạn vay 132.100 chỉ vàng tại Ngân hàng DAB Chi nhánh Quận 10. Đến ngày 13/01/2010, các khoản vay được chuyển về Ngân hàng DAB Sở giao dịch. Sau đó, Ngân hàng DAB Sở giao dịch cơ cấu sáu khoản vay trên thành năm khoản vay gồm 29.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0058/4 ngày 28/4/2010, tài sản bảo đảm là nhà 13-15 Phạm Ngũ L, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 55.000 chỉ vàng theo hợp đồng tín dụng số H0059/4 ngày 01/6/2010; 12.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0062/4 ngày 14/7/2010; 31.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số H5588/4 ngày 29/01/2011 và 24.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng

số H0065/4 ngày 31/8/2010; tài sản bảo đảm của bốn khoản vay còn lại nằm trong tổng tài sản thế chấp tại Ngân hàng DAB. Công ty Tân Vạn H không bổ sung thêm tài sản bảo đảm nào mới. Ngoài ra, Ngân hàng DAB Sở giao dịch còn cho Công ty Tân Vạn H vay mới 7.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0060/4 ngày 09/6/2010, không có tài sản bảo đảm.

Tháng 12/2012, trên cơ sở đề nghị của ông Huỳnh Bá T9, Nguyễn Thị Hồng N2 (nhân viên tín dụng) và Trần Thanh S2 (Phó Trưởng phòng tín dụng) đã đề xuất Nguyễn Đức T1 và Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho Công ty Tân Vạn H cơ cấu từ sáu hợp đồng tín dụng ngắn hạn thành ba hợp đồng tín dụng trung hạn. Cụ thể Hợp đồng tín dụng trung hạn số H0328/12 ngày 25/12/2012 được cơ cấu từ Hợp đồng tín dụng số H0058/4 ngày 28/4/2010 với dư nợ gốc 20.616 chỉ vàng và một phần nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số H0059/4 ngày 01/6/2010 là 18.744 chỉ vàng, quy đổi ra là 183.299.520.000 đồng, còn dư nợ 65.929.520.000 đồng. Hợp đồng tín dụng trung hạn số H0329/12 ngày 26/12/2012 được cơ cấu từ một phần dư nợ gốc của Hợp đồng H0059/4 ngày 01/6/2010 là 36.256 chỉ vàng, nợ gốc của Hợp đồng H0060/4 ngày 09/6/2010 là 7.000 chỉ vàng và nợ gốc của Hợp đồng H0062/4 là 12.000 chỉ vàng, quy đổi ra là 257.050.912.000 đồng; Hợp đồng tín dụng trung hạn số H0331/12 ngày 27/12/2012 được cơ cấu từ Hợp đồng ngắn hạn số H0065/4 ngày 31/8/2010, nợ gốc 24.000 chỉ vàng và số H5588/1 ngày 29/01/2011 nợ gốc 28.300.000.000 đồng, quy đổi ra là 139.300.000.000 đồng. Tổng dư nợ của ba hợp đồng tín dụng trung hạn trên là 579.650.432.000 đồng. Tài sản bảo đảm chung cho ba hợp đồng gồm 11 bất động sản, tổng giá trị 235.364.000.000 đồng. Ngân hàng DAB đã xử lý năm tài sản bảo đảm để thu nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số H0328/12 ngày 25/12/2012 và thu được 117.370.000.000 đồng, riêng khoản vay này còn dư nợ 65.929.520.000 đồng.

Do đó, ba hợp đồng tín dụng trung hạn trên còn dư nợ gốc 462.280.432.000 đồng. Tài sản bảo đảm chung cho ba hợp đồng tín dụng là sáu bất động sản gồm: nhà, đất tại 85 Chế Lan V, phường Tây T, quận Tân P; nhà, đất tại 92 Dương Đức H, phường Tây T, quận Tân P; nhà, đất tại 368B Trần Văn Q, phường 10, Quận Tân B; nhà, đất tại 521 Lý Thường Kiệt, phường 8, Quận Tân B; nhà, đất tại 521A Lý Thường K, phường 8, Quận Tân B và quyền sử dụng đất ở tại Bình Trị Đông B, Quận T8, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng trị giá các tài sản thế chấp nêu trên theo định giá của Ngân hàng DAB tại thời điểm nhận thế chấp là 134.543.000.000 đồng.

Tổng cộng, tính đến ngày 13/9/2019 (thời điểm khởi tố bổ sung vụ án), ba khoản vay của Công ty Tân Vạn H theo ba Hợp đồng tín dụng còn dư nợ

1.000.857.407.165 đồng (nợ gốc 462.280.432.000 đồng, 136.530.938.453 đồng lãi trong hạn và 402.046.036.712 đồng lãi quá hạn).

- Kê biên, định giá tài sản:

Cơ quan điều tra đã kê biên các tài sản nhà, đất của ông Huỳnh Bá T9, bà Vũ Thị L2, ông Huỳnh Bá T4 đang thế chấp tại Ngân hàng DAB. Tại Kết luận định giá tài sản số 7955/KL-HĐĐGTS ngày 23/12/2019, Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận sáu bất động sản bảo đảm cho ba khoản vay trên, trị giá vào tháng 9/2019 là 252.490.083.469 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HSST ngày 27/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 355; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Trần Phương B 20 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và tù chung thân về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc Trần Phương B phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tù chung thân. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 310/2019/HS-PT ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là tù chung thân. Cấm bị cáo Trần Phương B đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến hoạt động tín dụng trong thời gian 05 năm kể từ ngày chấp hành xong án phạt tù.

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc Trần Phương B phải bồi hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A toàn bộ số tiền thiệt hại liên quan đến hành vi lập chứng từ thu khống là 1.962.947.576.018 đồng.

Buộc Trần Phương B phải bồi thường cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A toàn bộ số tiền thiệt hại liên quan đến hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản là 120.940.999.400 đồng.

Tiếp tục kê biên đối với tài sản được xác định là của Trần Phương B gồm: 100% vốn góp tại Công ty TNHH XD&PT đô thị Thái A và các tài sản liên quan đến số vốn góp này là Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G (tài sản được xác định và kê biên theo Lệnh kê biên số 23 ngày 03/8/2017, biên bản kê biên của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ngày 14/8/2017, Kết luận định giá số 798/KL-HĐĐGTS ngày 09/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh K3) để bảo đảm thu hồi nợ đối với khoản vay của Công ty TNHH XD&PT đô thị Thái A được thế chấp bằng tài sản này tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông

A, phần tài sản còn lại (nếu có) sẽ được bảo đảm nghĩa vụ của bị cáo Trần Phương B trong vụ án này và giai đoạn 1 của vụ án và các nghĩa vụ dân sự khác của bị cáo Trần Phương B (nếu có).

Tiếp tục kê biên đối với tài sản được xác định là của Trần Phương B gồm: 100% vốn góp tại Công ty TNHH Hiệp Phú G, gồm 30% vốn góp của Công ty cổ phần Vốn An Bình, Công ty TNHH Hiệp Phú G là chủ đầu tư dự án khu nhà ở cao tầng phường Hiệp P, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (tài sản được xác định và kê biên theo lệnh kê biên số 19/C46-P10 ngày 28/4/2017, biên bản kê biên của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an ngày 31/5/2017, kết luận định giá số 3308/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh) để đảm bảo cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A xử lý thu hồi các khoản nợ được thế chấp bằng tài sản này tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A, số tiền còn lại sau khi thu hồi các khoản nợ (nếu có) sẽ được dùng để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ của Trần Phương B trong vụ án này và giai đoạn 1 của vụ án và các nghĩa vụ dân sự khác của bị cáo Trần Phương B (nếu có).

Tiếp tục kê biên đối với tài sản được xác định là của Trần Phương B gồm: tài sản là 29% cổ phần của Công ty TNHH xây dựng Bách V tại Công ty cổ phần phát triển đô thị Vĩnh T và phần tài sản liên quan đến số cổ phần này, Công ty cổ phần phát triển đô thị Vĩnh T là chủ đầu tư dự án Khu đô thị Mỹ G tại xã Vĩnh T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (tài sản được xác định và kê biên theo lệnh kê biên số 19/C46-P10 ngày 28/4/2017, biên bản kê biên của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an ngày 14/8/2017, kết luận định giá số 2006/KL-HĐĐGTS ngày 23/5/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa) để đảm bảo cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A xử lý thu hồi các khoản nợ được thế chấp bằng các tài sản này tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A, số tiền còn lại sau khi thu hồi các khoản nợ (nếu có) sẽ được dùng để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ của Trần Phương B trong vụ án này và giai đoạn 1 của vụ án và các nghĩa vụ dân sự khác của bị cáo Trần Phương B (nếu có).

- Buộc bà Vũ Thị L2 phải liên đới cùng Công ty TNHH Tân Vạn H bồi hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A số tiền là 1.000.857.165 đồng (với tỷ lệ bà Vũ Thị L2 50%, Công ty TNHH Tân Vạn H 50%).

- Buộc bà Vũ Thị L2 phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị Thu T5 bồi hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A số tiền 105.269.200.000 đồng (với tỷ lệ bà Vũ Thị L2 50%, bà Nguyễn Thị Thu T5 50%).

Tiếp tục phong tỏa đối với các tài sản là năm bất động sản của ông Huỳnh Bá T9, bà Vũ Thị L2 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ

số 368B Trần Văn Q, phường 10, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ mới là 102 Trần Văn Q, phường 10, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh); Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 85 Chế Lan V, phường Tây T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh; Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 92 Dương Đức H, phường Tây T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 521 Lý Thường K, phường 8, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 521A, phường 8, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các tài sản trên dùng để đảm bảo thi hành án đối với nghĩa vụ của Công ty TNHH Tân Vạn H được đảm bảo bằng các tài sản này trong vụ án, phần tài sản dư ra sau khi xử lý các tài sản trên để thu hồi nợ (nếu có) sẽ được đảm bảo nghĩa vụ của bà Vũ Thị L2 trong vụ án.

Tiếp tục phong tỏa đối với quyền sử dụng đất (trên khuôn viên đất có công trình xây dựng chưa hoàn công) tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P để bảo đảm thi hành án các nghĩa vụ của Công ty TNHH Tân Vạn H trong vụ án.

- Buộc bà Vũ Thị L2 phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân Kim H bồi hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A số tiền 163.070.910.083 đồng (với tỷ lệ bà Vũ Thị L2 50%, bà Nguyễn Thị M 50%).

Tiếp tục phong tỏa đối với các tài sản:

+ Hai quyền sử dụng đất tại ấp C, xã An T, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI585207 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE320300 do Ủy ban nhân dân huyện Bến C tỉnh Tây Ninh cấp) của ông Đặng Minh Q2, bà Phan Thị H2.

+ Hai quyền sử dụng đất (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH769377 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N213517 do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) tại phường Long P, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất tại địa chỉ căn hộ tầng 1 + lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá T4.

Các tài sản trên dùng để bảo đảm thi hành án đối với nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân Kim H trong vụ án, phần tài sản dư ra sau khi xử lý các tài sản trên để thu hồi nợ (nếu có) sẽ được bảo đảm cho nghĩa vụ của bà Vũ Thị L2 trong vụ án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần tội danh, hình phạt, phần trách nhiệm dân sự khác, kê biên tài sản khác, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo đối với bị cáo Trần Phương B và các bị cáo đồng phạm trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2020 Công ty cổ phần phát triển đô thị Vĩnh T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố Công ty Thái A không có quyền nhận chuyển nhượng Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ Gia do đó 100% vốn góp của Công ty Thái A không bao gồm Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G. Đồng thời giải tỏa lệnh kê biên đối với Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G và giao lại cho chủ đầu tư là Công ty Vĩnh T tiếp tục đầu tư, khai thác kinh doanh theo Giấy chứng nhận đầu tư và quy định của pháp luật. Tuyên bố hợp đồng thế chấp giữa Công ty Thái A và Ngân hàng DAB vô hiệu, Ngân hàng DAB không có quyền xử lý các lô đất Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G để thu hồi nợ hay nhận bồi thường thiệt hại.

Ngày 17/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Bá T4 kháng cáo cho rằng những tài sản Tòa án tiếp tục kê biên không được đăng ký giao dịch bảo đảm, không có ký thế chấp nên không đồng ý chịu trách nhiệm.

Ngày 17/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu T5 kháng cáo cho rằng không thế chấp tài sản, không ký vào giấy thế chấp nên không chịu liên đới cùng bà Vũ Thị L2 trả nợ.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 41/2022/HSPT ngày 14/01/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên các quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý tang vật có liên quan khác.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần phát triển đô thị Vĩnh T, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T5, kháng cáo của ông Huỳnh Bá T4; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HSST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Giải tỏa lệnh kê biên Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G (tài sản được xác định và kê biên theo lệnh kê biên số 23 ngày 03/8/2017, biên bản kê biên của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ngày 14/8/2017, Kết luận định giá số 798/KL-HĐĐGTS ngày 09/3/2018 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa).

- Bà Nguyễn Thị Thu T5 không có nghĩa vụ liên đới cùng bà Vũ Thị L2 bồi hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A số tiền là 105.269.200.000 đồng.

- Không phong tỏa quyền sử dụng đất tại địa chỉ Căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá T4. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Huỳnh Bá T4.

- Tiếp tục phong tỏa đối với quyền sử dụng đất (trên khuôn viên đất có công trình xây dựng chưa hoàn công) tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P để chờ giải quyết bằng vụ án dân sự khác (khi các bên có yêu cầu khởi kiện).

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 10/02/2022 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 37/TATP.THS kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với phần quyết định của bản án phúc thẩm liên quan đến việc giải tỏa lệnh kê biên Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G; việc tuyên bố bà Nguyễn Thị Thu T5 không có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay với bà Vũ Thị L2; buộc Ngân hàng DAB trả lại nhà 57 Bành Văn T, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Huỳnh Bá T4 và phong tỏa đối với quyền sử dụng đất tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P để chờ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Ngày 23/01/2022, Công ty Thái A có đơn khiếu nại giám đốc thẩm cho rằng Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ lệnh kê biên Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G là không đúng.

Ngày 28/3/2022, Trần Phương B có đơn khiếu nại giám đốc thẩm cho rằng Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ lệnh kê biên Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Trần Phương B và việc khắc phục hậu quả cho Ngân hàng DAB.

Ngày 15/3/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A có đơn khiếu nại giám đốc thẩm cho rằng Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ lệnh kê biên Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G là không đúng.

Ngày 07/6/2022, Tòa án nhân dân tối cao có văn bản số 80/TANDTC - V1 đề nghị Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng giao dịch biến động về phân trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng liên quan đến việc giải tỏa lệnh kê biên Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G để giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2022/KN-HS ngày 08/7/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 41/2022/HSPT ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hủy Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí dân sự phúc thẩm liên quan đến việc giải tỏa lệnh kê biên Gói 1 và 15.000m² của Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G; bà Nguyễn

Thị Thu T5 không có nghĩa vụ liên đới cùng bà Vũ Thị L2 bồi hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A số tiền 105.269.200.000 đồng; không phong tỏa quyền sử dụng đất tại địa chỉ căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá T4, buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Huỳnh Bá T4. Tạm đình chỉ thi hành Bản án hình sự phúc thẩm 41/2022/HSPT ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng liên quan đến việc giải tỏa lệnh kê biên Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G; quyết định liên quan đến bà Nguyễn Thị Thu T5 không có nghĩa vụ liên đới cùng bà Vũ Thị L2 bồi hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A số tiền 105.269.200.000 đồng; quyết định không phong tỏa quyền sử dụng đất tại địa chỉ căn hộ tầng 1 + lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; quyết định tiếp tục phong tỏa đối với quyền sử dụng đất tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P cho đến khi có quyết định giám đốc thẩm, với lý do:

“ [1] Về tội danh:

Trong thời gian từ năm 2007 đến 2013, với vai trò là Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng tín dụng Ngân hàng DAB, Trần Phương B đã chỉ đạo các nhân viên dưới quyền cùng nhiều đối tượng liên quan khác thực hiện các hành vi cho vay không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho Ngân hàng DAB số tiền 8.827.549.141.076 đồng, trong đó hành vi vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng, gây thiệt hại số tiền 8.751.915.741.076 đồng, hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt số tiền 75.633.400.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm kết án Trần Phương B và đồng phạm về các tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[2.1]. Đối với việc thế chấp Gói 1 và 15.000 m² đất Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G của Công ty Thái A để vay tiền của Ngân hàng DAB

- Về nguồn tiền của Công ty Thái A đầu tư vào Gói 1 và 15.000m² đất Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G:

Trần Phương B đã chỉ đạo Ngân hàng DAB Chi nhánh Lê Văn S cho Phạm Văn T6 vay 95.600.000.000 đồng để mua lại phần vốn góp của Công ty T và của

bà Nguyễn Thanh T7 tại Công ty Thái A và chỉ đạo Ngân hàng DAB Sở giao dịch lập phiếu thu không hơn 23.000.000.000 đồng của Công ty cổ phần vốn An Bình để Công ty cổ phần vốn An Bình thanh toán tiền mua cổ phần của Công ty TKV tại Công ty Thái A. Như vậy, nguồn tiền mua lại 100% phần vốn góp của Công ty Thái A là tiền của Ngân hàng DAB cho Phạm Văn T6 và Công ty An Bình vay. Sau đó, Ngân hàng DAB tiếp tục cho Công ty Thái A vay 400.900.000.000 đồng để trả nợ cho các khoản vay của T6 và các cá nhân khác, tài sản thế chấp là Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Thái A.

- Về giá trị pháp lý của Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G:

Đối với Gói 1 dự án Khu đô thị Mỹ G: năm 2007, Công ty TKV dùng Gói 1 của dự án Khu đô thị Mỹ G để góp vốn cùng các cổ đông khác thành lập Công ty Thái A. Tuy nhiên, do tại thời điểm năm 2008, Luật kinh doanh bất động sản chưa cho phép tách hồ sơ pháp lý dự án nên hồ sơ kỹ thuật, bản vẽ và pháp lý của Gói 1 dự án Khu đô thị Mỹ G vẫn thuộc chủ đầu tư ban đầu là Công ty TKV. Sau đó, V-ITASCO ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.07/HTKD/V.ITASCO với Công ty Vĩnh T từ Gói 2 đến Gói 8 của dự án Khu đô thị Vĩnh T. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Hợp đồng số 159/HĐKT/ITASCO – VTC ngày 16/9/2010 giữa Công ty TKV và Công ty V2 (Điều 5.3.7); Thỏa thuận bốn bên số 61/2012 ngày 01/02/2012 (Điều 2) và Hợp đồng khung số 03/2015/HĐK ngày 11/11/2015 (Điều 2) thì có cơ sở xác định chủ đầu tư Gói thầu số 1 dự án Khu đô thị Vĩnh T là Công ty Thái A. Mặc dù, ngày 20/8/2018, Công ty Vĩnh T có Công văn số 157/2018/VTC thông báo chấm dứt Hợp đồng khung số 03/2015/HĐK ngày 11/11/2015 với Công ty Thái A nhưng đây chỉ là thông báo đơn phương của Công ty Vĩnh T mà không được sự đồng ý của Công ty Thái A.

Đối với 15.000 m² Gói thầu số 2 dự án Khu đô thị Mỹ G: tại thỏa thuận bốn bên số 61/2012 ngày 01/02/2012 và Hợp đồng khung 03/2015/HĐK ngày 11/11/2015 xác định Công ty Vĩnh T sẽ bàn giao cho Công ty Thái A 15.000 m² đất ở thuộc Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G. Tại biên bản làm việc ngày 14/8/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và Công ty Vĩnh T, đại diện Công ty Vĩnh T xác định Công ty Vĩnh T đã bán Gói 1 và 15.000 m² (130 lô) thuộc Gói 2 cho Công ty Thái A. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty Vĩnh T xác nhận có biết việc Công ty Thái A thế chấp Gói 1 và 15.000 m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G để vay Ngân hàng DAB 400.900.000.000 đồng.

Như vậy, như đã phân tích ở trên, xét về nguồn tiền để mua lại cổ phần của Công ty Thái A đều do Trần Phương B chỉ đạo các nhân viên của Ngân hàng DAB lập chứng từ không cho các cá nhân vay không đúng quy định mà có. Thực chất,

Công ty Thái A là của Ngân hàng DAB. Mặt khác, theo Hợp đồng tín dụng H.0330/12 ngày 26/12/2012 thì Công ty Thái A thế chấp tài sản là Gói thầu số 1 và 15.000 m² Gói 2 của dự án để vay 400.900.000.000 đồng của Ngân hàng DAB. Do đó, để bảo đảm việc thu hồi tài sản cho Ngân hàng DAB và bảo đảm nghĩa vụ dân sự của Trần Phương B trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã kê biên Gói 1 và 15.000 m² của Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G là có căn cứ, đúng pháp luật.

Việc Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Công ty Vĩnh T, giải tỏa lệnh kê biên Gói 1 và 15.000 m² của Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng DAB và Công ty Thái A.

[2.2] Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu T5 tại Ngân hàng DAB, gây thiệt hại 53.400.000.000 đồng:

Theo Hợp đồng tín dụng số K6676 ngày 30/10/2010, bà Nguyễn Thị Thu T5 đã thế chấp nhà số 198 Lê Thánh T, Quận 1 vay của Ngân hàng DAB 55.000.000.000 đồng. Khi khoản vay trên chưa được tất toán, ngày 20/12/2011, Ngân hàng DAB đã cho giải chấp căn nhà nêu trên và dùng căn nhà này để gán nợ cho 03 khoản vay của ông Huỳnh Bá T9 và bà Vũ Thị L2. Như vậy, sau khi giải chấp, khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu T5 không có tài sản bảo đảm. Mặc dù, ngày 30/12/2011, ông Huỳnh Bá Thành và bà Vũ Thị L2 có biên bản làm việc với Ngân hàng DAB cam kết nhận lại khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu T5 nhưng trên thực tế ông T9 và bà L2 không thực hiện. Tính đến thời điểm khởi tố vụ án, ngày 24/12/2018, khoản vay của Nguyễn Thị Thu T5 theo Hợp đồng tín dụng số K0315/12 ngày 29/12/2012, số tiền 105.269.200.000 đồng (nợ gốc 53.400.000.000 đồng, 12.994.000.000 đồng tiền lãi trong hạn và 38.875.200.000 đồng tiền lãi quá hạn), không có tài sản bảo đảm, gây thiệt hại cho Ngân hàng DAB 105.269.200.000 đồng. Do đó, bà Nguyễn Thị Thu T5 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Vũ Thị L2 trả lại khoản tiền 105.269.200.000 đồng cho Ngân hàng DAB. Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh buộc bà Nguyễn Thị Thu T5 phải liên đới cùng bà Vũ Thị L2 bồi hoàn cho Ngân hàng DAB số tiền là 105.269.200.000 đồng (với tỷ lệ bà Vũ Thị L2 50%, bà Nguyễn Thị Thu T5 50%) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Ngân hàng DAB có lỗi trong việc giải chấp căn nhà 198 Lê Thánh Tôn và căn cứ vào việc ông Huỳnh Bá T9, bà Vũ Thị L2 có cam kết nhận lại khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu T5 (nhưng không thực hiện) để làm căn cứ xác định bà Vũ Thị L2 phải bồi hoàn

toàn bộ số tiền 105.269.200.000 đồng, không buộc bà Nguyễn Thị Thu T5 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường là không đúng pháp luật.

[2.3] Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị M - Giám đốc DNTN Kim H liên quan đến việc thế chấp nhà số 57 đường Bành Văn T, Phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn nhà số 57 Bành Văn T là tài sản thế chấp cho Hợp đồng tín dụng số H0061/4 ngày 09/6/2010. Sau đó, Hợp đồng tín dụng này đã được cơ cấu thành khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số H0327/12. Mặc dù, khi cơ cấu sang Hợp đồng H0327/12, ông Huỳnh Bá T4 chưa ký hợp đồng thế chấp đối với tài sản này nhưng tại Cơ quan điều tra ông Huỳnh Bá T4 khai “Tôi có đưa tài sản của tôi là đất tại Phường Long P, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh và 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo lãnh cho các khoản vay tại DAB theo yêu cầu của ông T9 – cha tôi. Tôi không nhớ rõ bảo lãnh cho khoản vay nào của DNTN Kim H, Công ty Tân Vạn H” và “Tôi đã dùng nhà 57 Bành Văn T để thế chấp cho khoản vay 20.000 chỉ vàng SJC theo Hợp đồng tín dụng số H0010/4 ngày 23/01/2009 tại DAB Chi nhánh Quận 10. Sau đó Công ty Tân Vạn H đã trả nợ vay và lấy lại tài sản. Tiếp đến, ông T9 lại mượn lại nhà số 57 Bành Văn T để đưa vào DAB vay 3,2 tỷ đồng”. Nguyễn Thị Thu T5 (vợ ông Huỳnh Bá T4) khai “Tôi còn 02 tài sản (trong đó có nhà 57 Bành Văn T) ba mẹ chồng tôi mượn để thế chấp cho Ngân hàng Đông A”.

Bà Vũ Thị L cũng khai bà và ông Huỳnh Bá T9 mượn tài sản của con là Huỳnh Bá T4 để thế chấp cho Ngân hàng DAB. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định vợ chồng Huỳnh Bá T4 đồng ý cho vợ chồng ông bà T9, L2 mượn tài sản là nhà số 57 Bành Văn T, Phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho Ngân hàng DAB. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm phong tỏa tài sản trên để bảo đảm thi hành án đối với nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M (chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Kim H) là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng ông Huỳnh Bá T4 chưa ký hợp đồng thế chấp, bảo lãnh căn nhà đối với Hợp đồng tín dụng số H0327/12 nên không phong tỏa quyền sử dụng đất tại địa chỉ 57 Bành Văn T và buộc Ngân hàng DAB trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan đến tài sản trên cho ông Huỳnh Bá T4 là không đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với tài sản là nhà, đất tại xã Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh được ông Huỳnh Bá P thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 1.000.857.407.165 đồng của Công ty Tân Vạn H:

Tại Biên bản làm việc ngày 05/9/2015 giữa Ngân hàng DAB và Công ty Tân Vạn H xác định tài sản thế chấp cho 03 Hợp đồng (H.0328/12 ngày 25/12/2012, H.0329/12 ngày 26/12/2012 và H.0331/12 ngày 27/12/2012 – 03 Hợp đồng này được cơ cấu lại từ các khoản vay trước đó của Công ty Tân Vạn H) bao gồm cả quyền sử dụng đất tại xã Bình Trị Đông B, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của ông Huỳnh Bá P đứng tên, chưa được công chứng. Tại Cơ quan điều tra, bà Vũ Thị L2 khai: “Căn nhà, đất tại xã Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh và đất tại huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh đang thế chấp tại DAB. 02 tài sản này, tôi để cho ông Huỳnh Bá P đứng tên nhà, đất tại Bình T, còn đất tại Bến C, tỉnh Tây Ninh để cho bà Phan Thị H2 – em gái tôi, ông Đặng Minh Q2 – chồng H2 đứng tên. Thực tế, 02 tài sản này của ông T9 và tôi”.

Do ông Huỳnh Bá P đã chết nên Cơ quan điều tra không lấy được lời khai của ông P. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng từ lưu giữ tại ngân hàng, lời khai của bà L2 thì có cơ sở khẳng định nhà, đất tại xã Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông T9 và bà L2 nhưng để ông Huỳnh Bá P đứng tên và thế chấp tài sản này cho Ngân hàng DAB để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty TNHH Tân Vạn H.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định phong tỏa quyền sử dụng đất tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P để bảo đảm thi hành án các nghĩa vụ của Công ty TNHH Tân Vạn H trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng thời điểm ký hợp đồng thế chấp tài sản (năm 2009) thì ông Huỳnh Bá P đang ở Úc nên ông P không thể về Việt Nam ký hợp đồng thế chấp nêu trên và căn cứ vào lời khai của Trần Phương B cho rằng có nhiều hợp đồng thế chấp của Công ty TNHH Tân Vạn H không đúng quy định của pháp luật để làm căn cứ xác định tài sản trên là của ông P, không được thế chấp cho DAB để bảo đảm khoản vay của Công ty TNHH Tân Vạn H; từ đó, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định dành quyền khởi kiện cho ông Huỳnh Bá P để yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp, bảo lãnh vô hiệu; tiếp tục phong tỏa quyền sử dụng đất nêu trên nhưng không phải để bảo đảm thi hành các nghĩa vụ của Công ty TNHH Tân Vạn H mà để chờ phán quyết của Tòa án khi giải quyết tranh chấp giữa người thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Bá P với Ngân hàng DAB là không đúng quy định của pháp luật”.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thành viên Hội đồng giám đốc thẩm thừa ủy quyền Chánh án Tòa án nhân dân tối cao căn cứ khoản 1 Điều 381 Bộ luật tố tụng hình sự bổ sung kháng nghị tại mục 2 phần quyết định như sau:

“2. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí dân sự phúc thẩm liên quan đến việc giải tỏa lệnh kê biên Gói 1 và 15.000m² của Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G; bà Nguyễn Thị Thu T5 không có nghĩa vụ liên đới cùng bà Vũ Thị L2 bồi hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A số tiền 105.269.200.000 đồng; không phong tỏa quyền sử dụng đất tại địa chỉ căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá T4, buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Huỳnh Bá T4 và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm”.

Sau khi có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, ngày 12/9/2022 Công ty Vĩnh T có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao rút một phần kháng nghị liên quan đến dự án Khu đô thị Mỹ G với các lý do: Công ty Vĩnh T là chủ đầu tư và chủ sử dụng đất hợp pháp đối với Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án khu đô thị Mỹ G; Công ty Thái A chỉ là đối tác kinh doanh, chưa được quyền nhận chuyển giao Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án khu đô thị Mỹ G và không đủ năng lực thực hiện dự án; các khoản tiền ông Trần Phương B chỉ đạo vay, rút tiền từ Ngân hàng DAB gây thiệt hại cho Ngân hàng DAB không đầu tư cho Gói 1 và 15.000m² Gói 2; Công ty Thái A thế chấp Gói 1 dự án cho Ngân hàng DAB trái pháp luật nên không phát sinh hiệu lực; tranh chấp Hợp đồng khung số 03/HĐK/2015 ngày 11/11/2015 giữa Công ty Thái A và Công ty Vĩnh T đang được Tòa án cấp có thẩm quyền giải quyết; Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật và Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định thi hành án.

Ngày 28/6/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có văn bản số 6371/UBND-NC đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét rút phần kháng nghị liên quan đến Dự án khu đô thị Mỹ G, thành phố Nha T với lý do: Công ty V2 là nhà đầu tư duy nhất nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án từ Công ty V-ITASCO (chủ đầu tư cũ) theo Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 14/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc cho phép chuyển đổi chủ đầu tư dự án từ Công ty V-ITASCO sang Công ty Vĩnh T. Theo báo cáo của Công ty Vĩnh T thì Công ty Vĩnh T đã hoàn tất thanh toán cho Công ty V-ITASCO và Công ty cổ phần vốn T (TTC) các khoản tiền liên quan đến Gói 1 và 15.000m² Gói 2 thuộc dự án. Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật và Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định thi hành án giải tỏa kê biên Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự

án Khu đô thị Mỹ G thì Công ty Vĩnh T đã thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, đầu tư thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Gói 1 và đã chuyển nhượng hết 15.000m² Gói 2 cho khách hàng.

Ngày 22/8/2022, bà Nguyễn Thị Thu T5 và ông Huỳnh Bá T4 có đơn đề nghị xem xét lại quyết định kháng nghị giám đốc thẩm phần có liên quan đến ông, bà.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm kết án Trần Phương B và đồng phạm về các tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về phân trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[2.1] Đối với việc thế chấp Gói 1 và 15.000 m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G của Công ty Thái A để vay tiền của Ngân hàng DAB

[2.1.1] Nguồn tiền của Công ty Thái A đầu tư vào Gói 1 dự án Khu đô thị Mỹ Gia là do Trần Phương Bình đã chỉ đạo Ngân hàng DAB Chi nhánh Lê Văn S cho Phạm Văn T6 và Công ty cổ phần vốn An Bình vay để mua lại 100% phần vốn góp tại Công ty Thái A của Công ty T, bà Nguyễn Thanh T7 và Công ty TKV. Sau đó, Trần Phương B tiếp tục chỉ đạo Ngân hàng DAB cho Công ty Thái A vay 400.900.000.000 đồng để trả nợ cho các khoản vay của Phạm Văn T6, Giám đốc Công ty Thái A và các cá nhân khác, tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty Thái A có đặc điểm loại tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư thuộc dự án “Khu dân cư Thái A - Gói 1 Khu đô thị Mỹ G, thành phố Nha T”, tài sản gắn liền với thửa đất có đặc điểm tổng đất nhà ở 111.733m² trong đó đất tái định cư 32.000m², đất kinh doanh 79.733m². Tổng diện tích 150 nền đất ở thuộc Gói 3 nhận từ Vĩnh T (do đổi Khu tái định cư): 15.000m² (thực tế là Gói 2). Tổng diện tích đất dùng để kinh doanh 94.733m².

Chủ đầu tư ban đầu của dự án Khu đô thị Mỹ G là Công ty V- ITASCO (sau đổi tên thành Công ty TKV) với tổng diện tích 188,5 ha và được chia làm 08 gói thầu. Tháng 2/2007, Công ty TKV dùng gói thầu 1 của dự án Khu đô thị Mỹ G để góp vốn thành lập Công ty Thái A và đến tháng 12/2007 Công ty TKV ký hợp

đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Vĩnh T để đầu tư khai thác Gói 2 đến Gói 8 dự án khu đô thị Mỹ G. Ngày 01/02/2012, Công ty Vĩnh T, V-ITASCO, Công ty Thái A và Công ty CP vốn An Bình ký Thỏa thuận bốn bên số 61/2012 về việc chuyển giao Gói 1 dự án Khu đô thị Mỹ Gia cho Công ty Thái A và việc hoán đổi đất làm khu tái định cư giữa Công ty Thái A và Công ty Vĩnh T. Ngày 10/6/2013, Công ty Vĩnh T và Công ty Thái A ký biên bản bàn giao hiện trạng, mốc giới và tọa độ Gói 1 dự án Khu đô thị Mỹ G cho Công ty Thái A. Ngày 11/11/2015, Công ty Vĩnh T và Công ty Thái A ký Hợp đồng khung số 03/2015/HĐK nội dung chính là Công ty Vĩnh T có trách nhiệm chuyển giao Gói thầu 1 (ngoại trừ khu tái định cư) cho Công ty Thái A. Công ty Vĩnh T sẽ bàn giao cho Công ty Thái A 1,5ha đất ở, tương đương 130 lô đất đã được san lấp và hoàn tất hạ tầng kỹ thuật theo thiết kế đã được phê duyệt tại các vị trí như ghi nhận tại bản đồ bán hàng. Công ty Thái A có trách nhiệm thực hiện và hoàn tất việc đền bù, giải phóng mặt bằng trong gói thầu 1 bằng chi phí của Thái A, ngoại trừ phần diện tích lộ giới đường D20 giữa Gói 1 và Gói 2 tại ngã ba đường Phong C và D20 như diễn giải tại Bản vẽ đính kèm Phụ lục 3. Phần diện tích này sẽ được đền bù, giải phóng mặt bằng bởi VTC trước ngày 31/12/2017. Tại biên bản làm việc ngày 14/8/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an với Công ty Vĩnh T, đại diện Công ty Vĩnh T xác định “Gói 1 và 15.000 m² (130 lô) Gói 2 là của Công ty Thái A”. Công ty Vĩnh T có biết việc Công ty Thái A thế chấp Gói 1 dự án Khu đô thị Mỹ G để vay Ngân hàng DAB số tiền 400.900.000.000 đồng với mục đích đầu tư dự án Khu đô thị Mỹ G. Tuy nhiên, trên thực tế Công ty Thái A không đầu tư số tiền vay 400.900.000.000 đồng vào Gói 1 và 15.000m² Gói 2 để đền bù giải phóng mặt bằng như đã cam kết. Công ty Vĩnh T có văn bản gửi Công ty Thái A về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng khung số 03/2015/HĐK ngày 11/11/2015 dẫn đến hai bên tranh chấp hợp đồng khung số 03/2015/HĐK trước khi khởi tố vụ án.

[2.1.2] Như vậy có căn cứ xác định nguồn tiền để mua lại cổ phần của Công ty T1 đều do Trần Phương B chỉ đạo các nhân viên của Ngân hàng DAB rút tiền bằng thủ đoạn lập chứng từ khống cho các cá nhân vay không đúng quy định mà có. Công ty Thái A đã đầu tư vào Gói 1 dự án Khu đô thị Mỹ G. Công ty Thái A đã thế chấp tài sản là Gói 1 và 15.000 m² Gói 2 của dự án Khu đô thị Mỹ G để vay 400.900.000.000 đồng của Ngân hàng DAB. Do đó, việc kê biên Gói 1 và 15.000 m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G để đảm bảo thi hành án, thu hồi 100% vốn cổ phần Công ty Thái A tại Gói 1 và 15.000m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G nhằm thu hồi tài sản cho Ngân hàng DAB bảo đảm nghĩa vụ dân sự của Trần Phương B trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng

cáo của Công ty Vĩnh T sửa bản án sơ thẩm, giải tỏa lệnh kê biên Gói 1 và 15.000 m² Gói 2 dự án Khu đô thị Mỹ G là sai lầm nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng DAB và Công ty Thái A, gây thất thoát tài sản của Nhà nước.

[2.2] Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu T5 tại Ngân hàng DAB, gây thiệt hại 105.269.200.000 đồng:

Bà Nguyễn Thị Thu T5 là con dâu của ông Huỳnh Bá T9 và bà Vũ Thị L2. Ngày 30/10/2010, bà Nguyễn Thị Thu T5 thế chấp nhà số 198 Lê Thánh T, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh vay của Ngân hàng DAB số tiền 55.000.000.000 đồng. Mặc dù bà T5 chưa tất toán khoản vay nêu trên nhưng Ngân hàng DAB đã cho giải chấp căn nhà nêu trên và dùng căn nhà này để gán nợ cho ba khoản vay của ông Huỳnh Bá T9 và bà Vũ Thị L2. Như vậy, sau khi giải chấp, khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu T5 không có tài sản bảo đảm. Tính đến thời điểm khởi tố vụ án (ngày 24/12/2018) khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu T5 gây thiệt hại cho Ngân hàng DAB số tiền 105.269.200.000 đồng gồm nợ gốc 53.400.000.000 đồng, 12.994.000.000 đồng tiền lãi trong hạn và 38.875.200.000 đồng tiền lãi quá hạn. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Thu T5 phải liên đới cùng bà Vũ Thị L2 bồi hoàn cho Ngân hàng DAB số tiền là 105.269.200.000 đồng (với tỷ lệ bà Vũ Thị L2 50%, bà Nguyễn Thị Thu T5 50%) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm không buộc bà Nguyễn Thị Thu T5 liên đới cùng bà Vũ Thị L2 bồi hoàn cho Ngân hàng DAB số tiền 105.269.200.000 đồng là không đúng pháp luật.

[2.3] Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị M - Giám đốc DNTN Kim H liên quan đến việc thế chấp nhà số 57 đường Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh:

Tại Cơ quan điều tra, ông Huỳnh Bá T4 và vợ là bà Nguyễn Thị Thu T5 thừa nhận dùng căn nhà số 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo lãnh cho các khoản vay tại Ngân hàng DAB của Công ty Tân Vạn Hưng theo yêu cầu của ông Huỳnh Bá T9 (cha của ông Huỳnh Bá T4). Bà Vũ Thị L2 cũng khai bà và ông T9 mượn tài sản của con là Huỳnh Bá T4 để thế chấp cho Ngân hàng DAB. Mặc dù, tài sản trên ông Huỳnh Bá T9 chưa ký hợp đồng thế chấp nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định vợ chồng ông Huỳnh Bá T4, bà Nguyễn Thị Thu T5 đồng ý cho vợ chồng ông Huỳnh Bá T9, bà Vũ Thị L2 mượn tài sản là nhà số 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho Ngân hàng DAB. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm phong tỏa tài sản trên để bảo đảm thi hành án đối với nghĩa vụ của bà Nguyễn

Thị M (chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Kim H) là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm không phong tỏa quyền sử dụng đất tại địa chỉ căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T của ông Huỳnh Bá T4 và buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan đến tài sản trên cho ông Huỳnh Bá T4 là không đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với tài sản là nhà, đất tại phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh được ông Huỳnh Bá P thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 1.000.857.407.165 đồng của Công ty Tân Vạn H:

Căn cứ vào các chứng từ lưu giữ tại Ngân hàng DAB và Biên bản làm việc ngày 05/9/2015 giữa Ngân hàng DAB và Công ty Tân Vạn H xác định tài sản là nhà, đất tại phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên ông Huỳnh Bá P được thế chấp cùng các tài sản khác để đảm bảo cho các khoản vay 1.000.857.407.165 đồng của Công ty Tân Vạn H tại Ngân hàng DAB. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị L2 xác định căn nhà, đất tại phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh và đất tại huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh đang thế chấp tại Ngân hàng DAB. Hai tài sản này, bà L2 để cho ông Huỳnh Bá P đứng tên nhà, đất tại quận Bình T, còn đất tại huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh để cho bà Phan Thị H2 (em gái bà L2), ông Đặng Minh Q2 (chồng bà H2) đứng tên. Thực tế, hai tài sản này là của ông Huỳnh Bá T9 và bà Vũ Thị L2. Mặc dù Cơ quan điều tra không lấy được lời khai của ông Huỳnh Bá P (do ông Huỳnh Bá P đã chết) nhưng có căn cứ xác định nhà, đất tại phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Huỳnh Bá T9 và bà Vũ Thị L2 nhưng để ông Huỳnh Bá P đứng tên và thế chấp tài sản này cho Ngân hàng DAB để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty TNHH Tân Vạn H. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiếp tục phong tỏa quyền sử dụng đất tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P để bảo đảm thi hành án các nghĩa vụ của Công ty TNHH Tân Vạn H trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục phong tỏa quyền sử dụng đất nêu trên nhưng không phải để đảm bảo thi hành các nghĩa vụ của Công ty TNHH Tân Vạn H mà để chờ phán quyết của Tòa án khi giải quyết tranh chấp giữa người thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Bá P với Ngân hàng DAB là không đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng giám đốc thẩm nhận thấy quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là có căn cứ và cần thiết. Cần hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 41/2022/HSPT ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách

nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí dân sự phúc thẩm liên quan đến việc giải tỏa lệnh kê biên Góí 1 và 15.000m² Góí 2 dự án Khu đô thị Mỹ G; bà Nguyễn Thị Thu T5 không có nghĩa vụ liên đới cùng bà Vũ Thị L2 bồi hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A số tiền 105.269.200.000 đồng; không phong tỏa quyền sử dụng đất tại địa chỉ căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận T8, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá T4, buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan Căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Huỳnh Bá T4; quyết định tiếp tục phong tỏa đối với quyền sử dụng đất tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P và giữ nguyên quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp tục kê biên, phong tỏa các tài sản nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 379, khoản 4 Điều 382, khoản 2 Điều 388, Điều 390 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2022/KN-HS ngày 08/7/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 41/2022/HSPT ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí dân sự phúc thẩm liên quan đến việc giải tỏa lệnh kê biên Góí 1 và 15.000m² Góí 2 dự án Khu đô thị Mỹ G; bà Nguyễn Thị Thu T5 không có nghĩa vụ liên đới cùng bà Vũ Thị L2 bồi hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A số tiền 105.269.200.000 đồng; không phong tỏa quyền sử dụng đất tại địa chỉ căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá T4, buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đông A trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn T, phường 7, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Huỳnh Bá T4; quyết định tiếp tục phong tỏa đối với quyền sử dụng đất tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P và giữ nguyên quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp tục kê biên, phong tỏa các tài sản nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC - Vụ 7;
- TAND, VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Công an, VKSND, TAND TP Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Trần Phương B (Trại tạm giam T17, Bộ Công an);
- Công ty Cổ phần phát triển đô thị Vĩnh T; Công ty TNHH XD&PT đô thị Thái A; ông Huỳnh Bá T4, bà Nguyễn Thị Thu T5, bà Vũ Thị L2 (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKT1 (3b), Vụ PC & QLKH, TKTP, VP (TANDTC).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Trâm